

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán
trồng rừng thay thế huyện Tràng Định năm 2024

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về các biện pháp lâm sinh; sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 17/2022/TT-BNNPTNT ngày 27/10/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh;

Căn cứ Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác;

Căn cứ Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo thẩm định số 220/BC-SNN ngày 16/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật, dự toán trồng rừng thay thế huyện UBND huyện Tràng Định năm 2024 với các nội dung như sau:

1. Tên công trình, chủ đầu tư, hình thức đầu tư:

a) Tên công trình: Trồng rừng thay thế huyện Tràng Định năm 2024.

b) Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án phát triển rừng huyện Tràng Định giai đoạn 2023 - 2025.

c) Nguồn vốn: kinh phí trồng rừng thay thế của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh.

2. Địa điểm thực hiện: trên địa bàn thôn Bản Sliền, xã Trung Thành; thôn Nà Khau, xã Đội Cấn; thôn 5, xã Tân Minh, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

3. Mục tiêu đầu tư: trồng mới diện tích rừng phòng hộ trên đất hiện trạng là đất trống, đồi núi trọc, để hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế các dự án có chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định; tạo việc làm cho hộ gia đình, nâng cao đời sống người dân, phát huy tính bền vững trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp tại địa phương.

4. Nội dung và quy mô đầu tư

a) Thực hiện trồng mới rừng phòng hộ, diện tích 39,775 ha trên đất trống quy hoạch rừng phòng hộ tại các xã Trung Thành, Đội Cấn, Tân Minh, huyện Trảng Định. Chi tiết lô, khoảnh, tiểu khu thiết kế trồng rừng tại Biểu tổng hợp kèm theo Quyết định này.

b) Loài cây trồng: Thông đuôi ngựa (Thông Mã vĩ). Phương thức trồng: trồng thuần loài – thâm canh. Mật độ trồng: 1.600 cây/ha. Cự ly trồng: cây cách cây 2,5m, hàng cách hàng 2,5m. Thời vụ trồng: vụ Hè - Thu.

5. Tổng dự toán kinh phí thực hiện: **1.406.682.650 đồng** (viết bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm linh sáu triệu, sáu trăm tám mươi hai nghìn, sáu trăm năm mươi đồng). Chi tiết tại biểu sau:

| TT | Hạng mục | Suất đầu tư (Đồng/ha) | Khối lượng (ha) | Thành tiền (Đồng) |
|----------|--|-----------------------|-----------------|----------------------|
| | TỔNG SỐ | 35.366.000 | 39,775 | 1.406.682.650 |
| 1 | Chi phí lâm sinh | 32.839.833 | 39,775 | 1.306.204.358 |
| a | Vật tư | 4.896.000 | 39,775 | 194.738.400 |
| | - Chi phí cây con | 2.464.000 | 39,775 | 98.005.600 |
| | - Chi phí phân bón | 2.432.000 | 39,775 | 96.732.800 |
| b | Nhân công | 27.943.833 | 39,775 | 1.111.465.958 |
| - | Chăm sóc lần 1 | 27.267.969 | 39,775 | 1.084.583.467 |
| - | Bảo vệ | 675.864 | 39,775 | 26.882.491 |
| 2 | Chi phí khảo sát, thiết kế | 1.540.990 | 39,775 | 61.292.877 |
| 3 | Chi phí quản lý 3% chi phí lâm sinh | 985.177 | 39,775 | 39.185.415 |
| - | Cấp tỉnh 0,3% | 98.518 | 39,775 | 3.918.553 |
| - | Cấp huyện 0,15% | 49.259 | 39,775 | 1.959.277 |

| TT | Hạng mục | Suất đầu tư (Đồng/ha) | Khối lượng (ha) | Thành tiền (Đồng) |
|----|-----------------|--------------------------|-----------------|----------------------|
| - | Cấp xã 0,15% | 49.259 | 39,775 | 1.959.277 |
| - | Chủ đầu tư 2,4% | 788.141 | 39,775 | 31.348.308 |

6. Thời gian thực hiện: năm 2024 (thực hiện trồng và chăm sóc năm trồng;
Thời vụ trồng: vụ Hè - Thu)

Điều 2. Ban Quản lý dự án phát triển rừng huyện Trảng Định giai đoạn 2023 – 2025 (chủ đầu tư) tổ chức thực hiện đúng theo nội dung được duyệt và quy định pháp luật.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra giám sát việc thực hiện trồng rừng thay thế bảo đảm đạt mục tiêu yêu cầu, đúng quy định; chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về sự đầy đủ, chính xác của hồ sơ, nội dung trình duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Trảng Định và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- C, PVP UBND tỉnh, Phòng TH, các Trung tâm: TT, PVHCC;
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Dương Xuân Huyền

**Biểu tổng hợp vị trí, diện tích trồng rừng thay thế
huyện Trảng Định năm 2024**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /5/2024 của Chủ tịch UBND
tỉnh Lạng Sơn)

| TT | Tên xã/thôn | Tên tiểu khu | Tên khoảnh | Số lô | Diện tích (ha) | Tổ chức/ cá nhân |
|-------------|-----------------------|--------------|-------------|--------------|----------------|--|
| Tổng | | 3 TK | 6 KH | 12 Lô | 39,775 | 95 |
| I | Xã Đội Cấn | 1 TK | 1 KH | 1 Lô | 4,118 | 01 nhóm hộ gia đình thôn Nà Khau, xã Đội Cấn (gồm 36 hộ gia đình tham gia thực hiện dự án, đại diện là ông Hoàng Văn Ứng |
| 1 | Thôn Nà Khau | 1 | 1 | 1 | 4,118 | |
| 1 | ” | 20 | 11 | 1 | 4,118 | |
| II | Xã Trung Thành | 1 TK | 4 KH | 7 Lô | 19,856 | 01 nhóm hộ gia đình thôn Bản Sliền, xã Trung Thành (gồm 15 hộ gia đình tham gia thực hiện dự án, đại diện là ông Mông Văn Luân |
| 1 | Thôn Bản Sliền | 1 TK | 4 KH | 7 Lô | 19,856 | |
| 1 | ” | 32 | 1 | 1 | 1,655 | |
| 2 | ” | 32 | 5 | 1 | 0,564 | |
| 3 | ” | 32 | 5 | 2 | 4,824 | |
| 4 | ” | 32 | 5 | 3 | 4,517 | |
| 5 | ” | 32 | 6 | 1 | 2,408 | |
| 6 | ” | 32 | 6 | 2 | 3,220 | |
| 7 | ” | 32 | 7 | 1 | 2,668 | |
| III | Xã Tân Minh | 1 TK | 1 KH | 4 Lô | 15,801 | 01 nhóm hộ gia đình thôn 5, xã Tân Minh (gồm 44 hộ gia đình tham gia thực hiện dự án, đại diện là bà Từ Thị Mỹ Dung |
| 1 | Thôn 5 | 1 TK | 1 Kh | 4 Lô | 15,801 | |
| 1 | ” | 22 | 1 | 1 | 3,794 | |
| 2 | ” | 22 | 1 | 2 | 4,036 | |
| 3 | ” | 22 | 1 | 3 | 4,903 | |
| 4 | ” | 22 | 1 | 4 | 3,068 | |